

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2024/HS-ST

Ngày: 21 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu, ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Võ Khắc Hoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2024, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa trực tuyến với điểm cầu trung tâm tại Hội trường xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, để xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST - HS ngày 23 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Thị H - Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1973, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: lớp 10/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Lê Văn H, sinh năm 1951 và bà Lê Thị T, sinh năm 1949; chồng: Lê Bá K, sinh năm 1969; con: có 02 đứa con, đứa lớn sinh năm 1995, đứa nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H: Luật sư Lê Hồng S và luật sư Dương Văn P - Công ty Luật T - Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số 06 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 66, đường C, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Xóm H, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Xuân T: Luật sư Nguyễn Khắc T - Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: 59 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Lê Bá K, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Cộng S, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Bản K, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Ngô Thị Thanh B, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Tiến L, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ năm 2021 đến năm 2022, Lê Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T với tổng số tiền **2.130.000.000 đồng** (*Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*) đem sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Khoảng đầu năm 2021, ông Nguyễn Phúc T có nhu cầu tìm mua đất tại khu vực xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để mở trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp. Thông qua mối quan hệ bạn bè, ông T biết đến Lê Thị H. H giới thiệu với ông T mình tên là Trần Thị Mộng T, vợ của ông Bùi Văn H, sinh năm 1969, trú tại thôn Tây, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T, có các lô đất ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh được UBND tỉnh Quảng Bình giao để thực hiện dự án, nếu ông T muốn mua thì đặt cọc tiền để Lê Thị H làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thời điểm này, Hợp tác xã của ông Bùi Văn H được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định chấp thuận chủ trương cho đầu tư dự án Trồng cao su vùng Lèn O tại xã T, huyện Quảng Ninh tuy nhiên chưa được cấp đất để thực hiện dự án, vì vậy, ông H ủy quyền cho Lê Thị H làm các thủ tục để được cấp đất thực hiện dự án và giao cho H các tài liệu gồm: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Trồng cao su vùng Lèn O

của Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T năm 2016, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư về việc thực hiện dự án đầu tư trồng cao su vùng Lèn O của Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T năm 2017, Quyết định phê duyệt phương án thanh lý rừng trồng luồng để bàn giao đất cho Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T thực hiện dự án đầu tư, Bản đồ điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng đất, để H làm các thủ tục cấp đất.

Lợi dụng việc này, H đưa các tài liệu cho ông T xem và dẫn ông T đi xem các khoảnh đất gồm: khoảnh 1, khoảnh 2 tiểu khu 401C; khoảnh 1, khoảnh 2 tiểu khu 403A; khoảnh 1, khoảnh 2 tiểu khu 404C tại xã T, huyện Quảng Ninh và giới thiệu là đất được UBND tỉnh cấp cho Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T thực hiện dự án. Thực tế các khoảnh đất này thuộc sở hữu của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Q, chưa được cấp có thẩm quyền thu hồi để giao cho Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T. Sau khi nghe H giới thiệu, ông T tin tưởng nên sau khi trao đổi đã thống nhất với H mua các khoảnh đất này, tổng diện tích là 211,49 héc ta với tổng số tiền là 31.500.000.000 đồng, nhận đặt cọc trước số tiền 1.100.000.000 đồng để làm các thủ tục chuyển nhượng. Ông Nguyễn Phúc T nhờ anh Phạm Tiến L, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình liên lạc với Lê Thị H lấy thông tin và soạn hợp đồng đặt cọc mua các khoảnh đất trên. Anh L được H giới thiệu tên Trần Thị Mộng T và cung cấp thông tin bên bán là Hợp tác xã mộc mỹ nghệ cao cấp T, người đại diện là ông Bùi Văn H, Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Hợp tác xã để làm hợp đồng.

Ngày 20/3/2021, ông Nguyễn Phúc T cùng anh Phạm Tiến L và người đàn ông tên thường gọi là “Xồm”, quốc tịch Thái Lan, người cùng làm trang trại chăn nuôi lợn với ông T (hiện ông Xồm đã về Thái Lan), đi xe ô tô đến nhà Lê Thị H ở thôn H, xã X, huyện L, thời điểm này chỉ có một mình H ở nhà. Tại đây, ông T đã giao số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng) cho H có sự chứng kiến của anh L. Lê Thị H đã nhận tiền và giả mạo bà Trần Thị Mộng T, ký tên vào bên nhận tiền đặt cọc bán đất trên “Hợp đồng đặt cọc - nguyên tắc về việc mua bán đất đai”.

Tháng 8/2021, Lê Thị H liên lạc yêu cầu ông T đặt cọc thêm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để hoàn tất các thủ tục. Ngày 23/8/2021, ông T cùng anh Phạm Tiến L đến căn hộ chung cư liền kề khu thương mại Vincom, thành phố Đ gặp H. Tại đây, ông T chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của ông T đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của H số 0311000696252. Ông T yêu cầu H ký vào “Biên bản đặt cọc bổ sung”. Lê Thị H giả mạo bà Trần Thị Mộng T ký và viết tên vào bên nhận tiền. Thời điểm này có ông Lê Bá K, là chồng H, ở nhà nên H gọi ông K đến, nhờ ông K cùng ký tên vào biên bản. Vì tin tưởng H, ông Lê Bá K không đọc nội dung các tài liệu mà ký tên “Hòa” và viết tên “Bùi Văn H” theo lời H vào “Biên bản đặt cọc bổ sung ngày 23/8/2021 và ký bổ sung vào hợp đồng ngày 20/3/2021 đã có trước.

Sau khi nhận tiền của ông Nguyễn Phúc T, Lê Thị H không thực hiện các hoạt động để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện việc chuyển nhượng đất mà sử dụng tiền vào mục đích cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho ông T. Tổng số tiền Lê Thị H chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc T là **1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng)**.

Lần thứ 2: Đầu năm 2022, ông Đặng Xuân T, trú tại xóm H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào tỉnh Quảng Bình làm việc và quen biết với Lê Thị H. Thông qua sự

giới thiệu của H, ông T mua một thửa đất tại xã N, huyện L và đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông T liên lạc và nhờ H mua các thửa đất giáp với thửa đất ông đã mua để hợp thửa mở rộng. H đồng ý và đã đưa ông T đến xã N xem các thửa đất, qua giới thiệu của H, ông T đồng ý mua 03 thửa đất giáp với thửa đất mà ông T đã mua trước đó. Tháng 5/2022, ông T liên lạc với Lê Thị H thông qua ứng dụng Zalo trao đổi về việc mua các thửa đất tại xã N. Quá trình tin nhắn H thông báo với ông T là đã gặp các chủ sở hữu các thửa đất, trao đổi về việc mua đất, ký hợp đồng mua bán, hợp đồng đặt cọc đối với 03 thửa đất tại xã Ngư T, chụp ảnh các hợp đồng này gửi cho ông T xem và đề nghị ông T chuyển khoản tiền cho H để H thanh toán cho người bán đất. Ông T tin tưởng nên đã nhiều lần sử dụng các tài khoản ngân hàng của mình, nhờ tài khoản ngân hàng của con trai là Đặng Quốc H chuyển khoản tiền cho bà H với số tiền 930.000.000 đồng để mua đất. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ ông T, Lê Thị H không thực hiện việc mua đất mà chiếm đoạt, đem chi tiêu cá nhân, cụ thể:

Thửa đất thứ nhất: Cuối tháng 5/2022, qua tin nhắn Zalo Lê Thị H thông báo cho ông T đang trao đổi với ông Trần Tiến M và bà Ngô Thị Minh H, trú tại xã Ng, huyện L để mua thửa đất liền kề giúp cho ông T với giá 268 triệu đồng và cam đoan chịu trách nhiệm làm giấy tờ đất đầy đủ. Thực tế, Lê Thị H không hề gặp gỡ, trao đổi với ông M, bà H về việc mua bán đất. Nhằm tạo lòng tin để ông T chuyển tiền cho mình, Lê Thị H tự viết “Hợp đồng mua bán chuyển nhượng” đề ngày 25/5/2022, thể hiện bên bán là ông Trần Tiến M và bà Ngô Thị Minh H, bên mua là bà Lê Thị H. Thông tin cá nhân của ông M và bà H, H lấy từ những người môi giới bất động sản. Lê Thị H giả mạo ông M, bà H ký tên, viết họ tên của ông Trần Tiến M và bà Ngô Thị Minh H vào bên chuyển nhượng trong hợp đồng, sau đó H chụp hình ảnh hợp đồng gửi cho ông T xem, nói với ông T là bà H đã trả tiền mua đất cho người bán là 275 triệu và yêu cầu ông T chuyển trả tiền lại cho H. Ông T tin tưởng và đồng ý chuyển tiền, trước khi chuyển tiền, ông T yêu cầu H viết giấy nhận tiền để làm tin. H viết giấy nhận tiền đề ngày 28/5/2022, thể hiện giá trị thửa đất là 279.500.000 đồng rồi chụp ảnh gửi cho ông T. Ngày 30/5/2022, ông T chuyển 270 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank của ông T số 3707205043773 đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của H 0311000696252. Sau khi nhận tiền, H bảo ông T chờ một thời gian để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất thứ hai: Trong thời gian chờ Lê Thị H làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên, ông T liên lạc đề nghị H mua hai thửa còn lại để sau này làm hợp thửa một lần. Đến đầu tháng 6/2022, H liên lạc với ông T nói đang trao đổi mua thửa đất liền kề của ông Nguyễn Công S và bà Nguyễn Thị V và bảo ông T chuyển số tiền 200 triệu đồng cho H để H trả cho người bán đất. Ông T đồng ý và yêu cầu H viết giấy nhận tiền rồi chụp ảnh gửi cho ông T trước khi chuyển tiền. H đồng ý và viết giấy nhận tiền đề ngày 14/6/2022, thể hiện nhận của ông T 200 triệu đồng và chụp ảnh gửi cho ông T qua tin nhắn Zalo. Ngày 14/6/2022, ông T chuyển 200 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank của ông T số 3707205043773 đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của Lê Thị H số 0311000696252. Để tạo lòng tin với ông T, Lê Thị H đến gặp ông Nguyễn Công S, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình hỏi mua thửa đất vườn của ông S tại thôn T, xã N. Tuy nhiên, H không trao đổi

thống nhất giá mua bán với ông S mà nói với ông S cứ nhận 50 triệu đồng tiền đặt cọc và ký “Hợp đồng đặt cọc” cho H, còn giá mua bán đất thì để đo đạc diện tích rồi thống nhất sau. Ông S đồng ý nên đã ký tên vào phần bên bán của “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” không đề ngày do H viết. Lê Thị H đưa cho ông S 50.000.000 đồng tiền đặt cọc có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã N. Anh C ký tên, viết họ tên vào phần bên làm chứng của Hợp đồng đặt cọc theo đề nghị của H. Sau khi giao số tiền 50 triệu đồng cho ông S và ký hợp đồng đặt cọc, Hiền chụp ảnh hợp đồng đặt cọc này gửi cho ông T để làm tin. Sau đó, H không quay lại gặp ông S để trao đổi, làm các thủ tục mua đất. Như đã thỏa thuận trong hợp đồng, quá thời hạn đặt cọc nếu bên mua không tiến hành mua thì mất số tiền đặt cọc. Đến ngày 19/6/2022, H nhắn tin qua Zalo bảo ông T chuyển thêm 30 triệu tiền nộp thuế đất và 50 triệu tiền đã đặt cọc đất theo hợp đồng trên. Ngày 20/6/2022 ông T đề nghị con trai là Đặng Quốc H chuyển tiền cho Lê Thị H, anh H đã chuyển 80 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0931004194436 của anh H đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0311000696252 của H. Sau đó, H tiếp tục đề nghị ông T chuyển thêm tiền để hoàn tất thủ tục, nên ngày 15/7/2022 ông T chuyển 100 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Vietinbank số 100876224777 của ông T và anh Đặng Quốc H chuyển 150 triệu đồng từ tài khoản Vietcombank số 0931004194436 của anh H đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của bị cáo H. Tổng số tiền ông T và anh H chuyển cho H để mua thửa đất này là 530 triệu đồng.

Thửa đất thứ ba: Cuối tháng 7/2022, Lê Thị H liên lạc thông báo cho ông T đã thỏa thuận và mua thửa đất thứ 3 liền kề với giá 510 triệu, đã cọc cho người bán 200 triệu đồng. Để tạo lòng tin với ông T, H tự viết “Hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/7/2022, thể hiện bên bán là ông Nguyễn Văn G và bà Ngô Thị Thanh B, trú tại xã N, huyện L, bên mua là bà Lê Thị H, người làm chứng là ông Nguyễn Văn C. Thông tin cá nhân của ông G và bà B, H lấy từ những người môi giới bất động sản, H giả mạo ông G, bà B ký tên, viết họ tên vào bên chuyển nhượng trong hợp đồng, giả mạo ông Nguyễn Văn C ký tên, viết họ tên vào bên người làm chứng. Thực tế Lê Thị H không hề gặp ông G, bà B trao đổi về việc mua bán đất. Ông Nguyễn Văn C không biết về hợp đồng này. Sau khi làm giả hợp đồng, H chụp và gửi hình ảnh “Hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/7/2022 cho ông T để ông T tin tưởng chuyển tiền. Ngày 27/7/2022, ông T đã chuyển cho bà H 100 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Vietinbank số 100876224777 của ông T đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của H. Ngày 12/9/2022, Lê Thị H hỏi mượn ông T 50 triệu đồng và viết giấy mượn tiền rồi chụp ảnh gửi cho ông T, ông T chuyển cho H 30 triệu đồng từ tài khoản ngân hàng Agribank của ông T đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của H. Số tiền này sau đó H nói với ông T là gộp vào tiền mua đất của ông G, bà B để thanh toán cho ông T. Tổng số tiền ông T chuyển cho H để mua thửa đất này là 130 triệu đồng.

Sau khi nhận tiền từ ông Đặng Xuân T, Lê Thị H không thực hiện cam kết, hứa hẹn mua đất cho ông T mà chiếm đoạt sử dụng hết dẫn đến không có khả năng trả lại cho ông T.

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu vàng, trắng, đã qua sử dụng,

đã bị vỡ, mất một phần ốp lưng phía trên, số IMEI 1: 357105104292947, số IMEI 2: 357106104292945; 01 (một) điện thoại di động loại có bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 351778662189600, số IMEI 2: 351778662689609 (do bị can tạt nguyên giao nộp).

- 02 “Hợp đồng đặt cọc nguyên tắc về việc mua bán đất đai” đề ngày 20/3/2021; 01 “Biên bản đặt cọc bổ sung” đề ngày 23/8/2021; Tài liệu là hình ảnh chụp nội dung tin nhắn Zalo giữa ông Nguyễn Phúc T và Lê Thị H; Hình ảnh các bản hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán được Lê Thị H gửi cho ông Đặng Xuân T và được ông T in ra trên khổ giấy A4; Tài liệu là hình ảnh chụp giấy nhận tiền, giấy mượn tiền bà H viết gửi ông T được ông T in ra trên khổ giấy A4, nội dung tin nhắn Zalo giữa ông T và Lê Thị H.

Kết quả giám định: Ngày 10/7/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình có kết luận giám định số 725/KL-KTHS, kết luận: Chữ ký, chữ viết tên “T”, “Trần Thị Hồng T”, “Trần Thị T” trên các Hợp đồng, Biên bản gửi giám định với chữ ký, chữ viết trên Bản tự khai của Lê Thị H là do cùng một người viết ra;

Chữ ký, chữ viết tên “H”, “Bùi Văn H” trên “Biên bản đặt cọc bổ sung” đề ngày 23/8/2021 với chữ ký. Chữ viết tên “H”, “Trần Văn H” trên “02 “Hợp đồng đặt cọc - nguyên tắc về việc mua bán đất đai” với chữ ký, chữ viết trên bản tự khai của Lê Bá K không đủ cơ sở kết luận.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền mà Lê Thị H đã chiếm đoạt của ông T và ông T là 2.130.000.000 đồng (Trong đó chiếm đoạt của ông T 1.200.000.000 đồng và của ông T 930.000.000 đồng). Trong quá trình điều tra, bị cáo đã vận động gia đình trả trực tiếp cho ông Đặng Xuân T số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 11/01/2024 ông Lê bá K (chồng bị cáo H) đã nộp khoản tiền 150.000.000 đồng tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng bình để trả cho ông Nguyễn Phúc T.

Tại phiên tòa hôm nay cả ông Nguyễn phúc T và ông Đặng Xuân T đều trình bày ngoài số tiền đã hoàn trả ở trên thì hiện tại gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận hoàn trả đầy đủ số tiền còn lại, do đó ông T và ông T không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 129/CTr-VKS-P3 ngày 22/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 09 (chín) đến 10 (mười) năm tù. Về trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, nên bị cáo không phải bồi thường thêm. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung công 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu vàng, trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động loại có bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng. Về án phí hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản Cáo trạng. Bị cáo cho rằng do không hiểu biết đầy đủ pháp luật, nên đã có hành vi chiếm đoạt tiền của người khác; bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; quá trình tạm giam bị cáo đã động viên chồng, con cố gắng bồi thường đầy đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Về sự vắng mặt của các luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, bị cáo cho rằng Tòa án đã hoãn phiên tòa nhiều lần, trong đó có lý do Luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo từ chối luật sư bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa, bị cáo sẽ tự bào chữa mà không cần sự có mặt của các luật sư.

+ Bị hại ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T đều thừa nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đầy đủ và đúng với số tiền mà bị cáo Lê Thị H đã chiếm đoạt của các bị hại. Cả ông T và ông T đều thừa nhận tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 21/5/2024) thì gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường đầy đủ số tiền mà bị cáo H đã chiếm đoạt của các bị hại. Do đó, cả ông T và ông T đều có đơn xác nhận số tiền đã bồi thường và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thị H.

+ Luật sư Nguyễn Khắc T (Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đặng Xuân T) đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, các Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo luật sư Lê Hồng S và luật sư Dương Văn P đều vắng mặt không có lý do. Bị cáo Lê Thị H đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa; bị cáo từ chối việc chỉ định luật sư của Tòa án và đề nghị được tự bào chữa cho mình tại phiên tòa. Ngoài ra, tại phiên tòa còn vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vắng mặt người làm chứng, tuy nhiên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản cáo trạng. Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về quá trình, diễn biến phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng đầu năm 2021, do biết được ông Nguyễn Phúc T có nhu cầu mua đất để mở trang trại chăn nuôi, nên Lê Thị H đã đưa ra thông tin gian dối như giới thiệu với ông Nguyễn Phúc T, bị cáo tên là Trần Thị Mộng T, vợ của ông Bùi Văn H là Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Hợp tác xã mộc mỹ nghệ T, có các lô đất ở xã T, huyện Q được UBND tỉnh

Quảng Bình giao để thực hiện dự án, nếu ông T muốn mua đất để làm trang trại chăn nuôi thì phải chuyển tiền đặt cọc cho H. Do tin tưởng vào Lê Thị H nên ông Nguyễn Phúc T đã chuyển tiền cho H nhiều lần, tổng cộng 1.200.000.000 đồng để đặt cọc và làm các thủ tục chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền của ông T thì Hiền không thực hiện các thủ tục mua, bán, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đã chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngoài ra, đầu năm 2022 Lê Thị H lợi dụng vào sự tin tưởng của ông Đặng Xuân T nhờ bị cáo H mua 03 thửa đất tại xã N, huyện L để mở rộng và hợp thành một thửa. Sau một thời gian, H thông báo cho ông T là H đã liên hệ mua được các thửa đất nói trên và yêu cầu ông T chuyển tiền để làm các thủ tục mua, bán. Để tạo lòng tin với ông T, H đã tự lập ra các hợp đồng như: “Hợp đồng mua bán chuyển nhượng” đề ngày 25/5/2022, giữa bên bán là ông Trần Tiến M và bà Ngô Thị Minh H với bên mua là Lê Thị H, giá trị thửa đất là 279.500.000 đồng; “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa Lê Thị H với người bán là ông Nguyễn Công S và bà Nguyễn Thị V, số tiền đặt cọc ban đầu 50.000.000 đồng, và “Hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/7/2022, thể hiện bên bán là ông Nguyễn Văn G và bà Ngô Thị Thanh B với số tiền cọc là 200.000.000 đồng. Lê Thị H đã chụp hình các hợp đồng trên gửi qua Zalo cho ông T và yêu cầu ông T chuyển tiền cho H để H để thanh toán cho chủ đất, tổng cộng ông T đã chuyển cho H số tiền 930.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền từ ông T thì H không thực hiện việc mua, bán đất mà chiếm đoạt sử dụng riêng cho cá nhân.

Tổng số tiền mà Lê Thị H đã chiếm đoạt của ông T và ông T là 2.130.000.000 đồng (Trong đó chiếm đoạt của ông 1.200.000.000 đồng và của ông T 930.000.000 đồng).

[3] Từ các nội dung trên thấy rằng, Lê Thị H đã lợi dụng sự quen biết với người bị hại, từ đó đưa ra các thông tin gian dối như giả danh người khác, làm giả hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc, ... nhằm tạo ra vỏ bọc để người bị hại tin tưởng rằng H có thể thực hiện được các yêu cầu của người bị hại, từ đó người bị hại đã chuyển tiền cho bị cáo. Trên thực tế, những người bị hại đã chuyển cho Lê Thị H tổng cộng 2.130.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền do các bị hại chuyển đến thì bị cáo Lê Thị H đã không thực hiện công việc theo thỏa thuận mà đã chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng cho mục đích cá nhân. Hành vi trên của Lê Thị H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Thị H là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại; làm mất trật tự trị an, gây bức xúc và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị H bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với gia đình để gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, được người bị hại trực tiếp xin giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo có quá trình nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo là con trong gia đình có công với cách mạng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, và đặc biệt là đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo H 02 chiếc điện thoại di động. Xét thấy 02 điện thoại trên là của bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với các tài liệu, vật chứng khác bị thu giữ như: “Hợp đồng đặt cọc nguyên tắc về việc mua bán đất đai”; “Biên bản đặt cọc bổ sung”; hình ảnh chụp nội dung tin nhắn Zalo giữa ông Nguyễn Phúc T và Lê Thị H; Hình ảnh các bản hợp đồng đặt cọc, hợp đồng mua bán được Lê Thị H gửi cho ông Đặng Xuân T và được ông T in ra trên khổ giấy A4; Xét thấy các tài liệu, vật chứng được thu giữ ở trên đã được lưu giữ và đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án (là thành phần của hồ sơ vụ án). Do đó, Hội đồng xét xử không tuyên xử lý các tài liệu này.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị H chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc T 1.200.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Đặng Xuân T 930.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo H đã tự nguyện hoàn trả trực tiếp cho ông Đặng Xuân T số tiền 150.000.000 đồng, và đã nộp số tiền 150.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình để hoàn trả cho ông Nguyễn Phúc T. Tại phiên tòa hôm nay, cả ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T đều thừa nhận ngoài số tiền mà gia đình bị cáo H đã hoàn trả ở trên thì hiện tại gia đình bị cáo đã tự nguyện hoàn trả thay cho bị cáo đầy đủ số tiền còn lại, nên ông T và ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử xác nhận bị cáo H đã hoàn trả đầy đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại và không phải chịu trách nhiệm dân sự gì thêm.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/5/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thị H 45 ngày để đảm bảo thi hành án (có Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử riêng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

-Buộc bị cáo Lê Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể: Hoàn trả cho ông Nguyễn Phúc T 1.200.000.000 đồng (được khấu trừ số tiền 150.000.000 đồng đã nộp tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, còn lại 1.050.000.000 đồng) và hoàn trả cho ông Đặng Xuân T 930.000.000 đồng (đã trả trước 150.000.000 đồng còn lại 780.000.000 đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện hoàn trả của gia đình bị cáo Lê Thị H đối với bị hại ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T. Xác nhận bị cáo Lê Thị H đã hoàn trả đầy đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T (ông Nguyễn Phúc T và ông Đặng Xuân T đã nhận đủ số tiền trên từ gia đình bị cáo Lê Thị H).

- Xác nhận số tiền 150.000.000 đồng mà ông Lê Bá K (chồng bị cáo H) đã nộp trong quá trình điều tra, hiện đang có tại tài khoản: 3949.0.1054377.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Theo ủy nhiệm chi ngày 29/01/2024) là tiền đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả của bị cáo Lê Thị H đối với ông Nguyễn Phúc T. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình có trách nhiệm chuyển giao số tiền trên cho ông Nguyễn Phúc T theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố tịch thu sung công quỹ Nhà nước các vật chứng sau:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A80, màu vàng, trắng, đã qua sử dụng, đã bị vỡ, mất một phần ốp lưng phía trên, số IMEI 1: 357105104292947, số IMEI 2: 357106104292945;

+ 01 (một) điện thoại di động loại có bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 351778662189600, số IMEI 2: 351778662689609;

Số vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 24/01/2024.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- Phòng HSNVCS-CA Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Phòng KTNV-THAHS TAND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa HS, VPTAQB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ